TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2024/DS-ST
Ngày 03-6-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 17/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 227/2024/QĐST-DS ngày 10/5/2024 giữa:

- Nguyên đơn:

Bà Hồ Thị Thêm Thúy H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số C đường B, ấp B, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Võ Thị Mỹ H1, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện nộp ngày 30/3/2023, nguyên đơn - bà Hồ Thị Thêm Thúy H trình bày:

Vào ngày 31/10/2022, bà có cho vợ chồng bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ vay số tiền là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu đồng) thời hạn vay là một tuần, không ghi lãi suất. Theo như hợp đồng viết tay do chính tay bà Võ Thị Mỹ H1 viết thì bà H1, ông Đ phải trả lại cho bà số tiền đã vay vào ngày 07/11/2022. Tuy nhiên, vợ chồng bà H1 ông Đ không thực hiện lời hứa khi vay tiền. Đến ngày 15/11/2022, vợ chồng bà H1, ông Đ trả cho bà được số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng. Ngày 26/11/2022, vợ chồng bà H1, ông Đ trả cho bà được số tiền trả cho bà số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu) đồng. Như vậy, vợ chồng bà H1, ông Đ chỉ trả được cho bà số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, hiện còn nợ bà số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ) đồng. Qua nhiều lần nhắc nhở, liên lạc yêu cầu vợ chồng bà H1, ông Đ trả lại số tiền còn nợ, tuy nhiên tới nay vợ chồng bà H1, ông Đ vẫn chưa trả cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ trả lại cho bà số tiền gốc đã vay là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và tiền lãi tạm tính cho đến ngày 25 tháng 3 năm 2023 là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu) đồng.

Tại phiên tòa, bà Hồ Thị Thêm Thúy H trình bày: Bà thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ, yêu cầu bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ liên đới trả cho bà số tiền gốc là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (03/6/2024) là 18 tháng 25 ngày (yêu cầu chỉ tính làm tròn 18 tháng), theo lãi suất quy định của pháp luật. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn: Bà Võ Thị Mỹ H1, Ông Trần Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 30/3/2023, bà Hồ Thị Thêm Thúy H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc bà Võ Thị Mỹ H1, ông Trần Văn Đ phải trả lại cho bà số tiền đã vay theo Giấy mượn tiền ngày 31/10/2022. Đây là tranh chấp về yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa bà Hồ Thị Thêm Thúy H với bà Võ Thị Mỹ H1, ông Trần Văn Đ, là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện là bà Võ Thị Mỹ H1, ông Trần Văn Đ hiện cư trú tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Trần Văn Đ và bà Võ Thị Mỹ H1 đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố, không có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thêm Thúy H yêu cầu bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ trả lại số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng cho bà theo Giấy mượn tiền ngày 31/10/2022, bà yêu cầu tính lãi theo lãi suất quy định của pháp luật tính từ ngày 08/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (03/6/2024) là 18 tháng 25 ngày (tính làm tròn 18 tháng), yêu cầu trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4.1] Về số tiền vay và thời gian vay tiền:

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Giữa bà Hồ Thị Thêm Thúy H với vợ chồng bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ có giao dịch với nhau về việc vay mượn tiền. Theo các tài liệu chứng cứ thể hiện, vợ chồng bà H1 và ông Đ có ký vào Giấy mượn tiền ngày 31/10/2022 có nội dung *"Hôm nay, ngày 31/10/2022 chúng tôi có mượn của chị Hồ Thị Thêm Thúy H, SN 1976, cư ngụ T, ấp B, xã H số tiền là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng"* và mặc sau của tờ giấy có ghi chú *"hẹn 1 tuần trả"*. Bà H có nộp thêm các tài liệu chứng cứ là 03 Giấy báo nợ thể hiện việc bà H chuyển tiền cho bà H1: Theo Giấy báo nợ chuyển số tiền 100.000.000 đồng, Giấy báo nợ chuyển số tiền 450.000.000 đồng, Giấy báo nợ chuyển số tiền 450.000.000 đồng; trên cả 03 giấy báo nợ này đều thể hiện nội dung *"cho Võ Thị Mỹ H1 mượn tiền 1 tuần"*. Như vậy, qua các tài liệu chứng cứ thể hiện Giấy mượn tiền lập ngày 31/10/2022 là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có thỏa thuận về việc trả lãi.

Trong quá trình vay mượn tiền, ngày 15/11/2022 bà H1 và ông Đ trả lần một cho bà H số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, ngày 26/11/2022 bà H1 và ông Đ có trả tiếp cho bà H số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu) đồng. Bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ đã chốt nợ là *"Tổng cộng vợ chồng em đã trả 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Em còn nợ lại chị H số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng"*. Như vậy, có cơ sở để xác định hiện nay bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ vẫn còn nợ bà Hồ Thị Thêm Thúy H số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Xét trên Giấy mượn tiền ngày 31/10/2022 thể hiện thời hạn mượn là 01 tuần. Ngoài ra, tại 03 Giấy báo nợ ngày 31/10/2022 đều thể hiện nội dung "cho Võ Thị Mỹ H1 mượn tiền 1 tuần". Nhưng cho đến nay, bà H1 và ông Đ vẫn chưa trả được tiền nợ cho bà H là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 280, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thêm Thúy H về việc buộc bị đơn là bà bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng theo Giấy mượn tiền ngày 31/10/2022.

[4.2] Về tiền lãi:

Xét yêu cầu tính lãi của bà Hồ Thị Thêm Thúy H đối với số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng mà vợ chồng bà H1, ông Đ còn nợ và tiền lãi tính theo lãi suất quy định của pháp luật, bắt đầu tính tiền lãi từ ngày 08/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (03/6/2024) là 18 tháng 25 ngày (yêu cầu tính làm tròn 18 tháng). Hội đồng xét xử nhận thấy theo như thoả thuận tại Giấy mượn tiền ngày 31/10/2022 và 03 Giấy báo nợ ngày 31/10/2022, có cơ sở xác định bên bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền đã nợ vào ngày 07/11/2022, tuy nhiên bà H1, ông Đ chỉ mới trả nợ được cho bà Hồ Thị Thêm Thúy H số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, hiện vẫn còn nợ bà H 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Như vậy, bà H1 và ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho bà H. Mặc khác, tại Giấy mượn tiền lập ngày 31/10/2022, không ghi lãi suất, tuy nhiên tại nội dung trả nợ số tiền 500.000.000 đồng vào các ngày 15/11/2022; 26/11/2022 đều thể hiện trả tiền kèm lãi, nhưng không xác định lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giao dịch cho mượn tiền giữa bà H với bà H1 và ông Đ là có lãi nhưng không ghi lãi suất. Căn cứ theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: *"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".* Căn cứ theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về lãi suất : "*1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; 2. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*". Do bà H1 và ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà H, nên yêu cầu của bà H về việc phải tính tiền lãi cho bà H1 và ông Đ theo mức lãi suất quy định của pháp luật tương ứng với 0.83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Xét yêu cầu của bà H tính tiền lãi bắt đầu tính từ ngày 08/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (03/6/2024) là 18 tháng 25 ngày nhưng yêu cầu làm tròn 18 tháng là có lợi cho bị đơn nên có cơ sở để chấp nhận. Như vậy lãi suất là 0.83%/tháng x 18 tháng x 1.000.000.000 đồng = 149.400.000 (một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử buộc bị đơn là bà Võ Thị Mỹ H1 và ông Trần Văn Đ phải trả cho bà Hồ Thị Thêm Thúy H số tiền gốc và tiền lãi mà bà H1 và ông Đ còn nợ là: 1.000.000.000 đồng + 149.400.000 đồng = 1.149.400.000 (một tỷ một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn là bà Võ Thị Mỹ H1, ông Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà Hồ Thị Thêm Thúy H theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thêm Thúy H.

Buộc bà Võ Thị Mỹ H1, ông Trần Văn Đ phải trả cho bà Hồ Thị Thêm Thúy H số tiền 1.149.400.000 (một tỷ một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000 (một tỷ) đồng và tiền lãi là 149.400.000 (một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Võ Thị Mỹ H1, ông Trần Văn Đ chậm trả số tiền trên cho bà H thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Mỹ H1, ông Trần Văn Đ phải nộp án phí là 46.482.000 (bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị Thêm Thúy H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 21.495.000 (hai mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2023/0017053 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Định